

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /2020/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm,  
tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 29/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-VHXXH ngày 08/7/2020 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông cấp tỉnh theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức chi xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông cấp huyện bằng 70% mức chi của cấp tỉnh.

3. Cơ sở giáo dục đào tạo được vận dụng mức chi quy định tại Nghị quyết này để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc nhiệm vụ chuyên môn, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10/7/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2020. /

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu, UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Sở GD&ĐT; Sở Tài chính; KBNN tỉnh;
- TTr.HĐND-UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT HĐND tỉnh

**CHỦ TỊCH**



**Thảo Hồng Sơn**

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**MỨC CHI XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU TRẮC NGHIỆM, TỔ CHỨC CÁC KỲ THI PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 17 /2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm</b>			
<b>1</b>	<b>Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ soạn thảo câu trắc nghiệm</b>			Theo quy định hiện hành về chế độ chi đào tạo và bồi dưỡng CBCC nhà nước
<b>2</b>	<b>Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập</b>	đồng/câu	10-92	
<b>3</b>	<b>Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm</b>	đồng/câu	10-80	
<b>4</b>	<b>Tổ chức thi thử</b>			
a	Xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày	230	
b	Xây dựng đề thi gốc	đồng/đề	920	
c	Xây dựng các mã đề thi	đồng/đề	230	
d	Chi chế độ cho Ban Tổ chức cuộc thi			
	+ Trưởng ban	đồng/người/ngày	280	
	+ Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	230	
	+ Thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	160	
đ	Chi phí đi lại, ở của Ban Tổ chức			Theo chế độ công tác phí
e	Chi chế độ của Hội đồng coi thi:			
	+ Chủ tịch	đồng/người/ngày	200	
	+ Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	150	
	+ Thư ký, giám thị	đồng/người/ngày	100	
	+ Nhân viên bảo vệ, y tế và phục vụ	đồng/người/ngày	50	
<b>5</b>	<b>Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>	đồng/người/ngày	350	Theo hợp đồng



Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
6	Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	đồng/người/ngày	230	Không áp dụng cho cán bộ thuộc Sở GD&ĐT
<b>II</b>	<b>Ra đề thi</b>			
<b>1</b>	<b>Chi ra đề đề xuất (đối với câu tự luận)</b>			
a	Thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh vào lớp đầu cấp các trường phổ thông công lập	đồng/đề	460	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	theo phân môn	815	
c	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	theo phân môn	730	
<b>2</b>	<b>Chi cho công tác ra đề thi chính thức và dự bị</b>			
a	Chi cho cán bộ ra đề thi: Thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh vào lớp đầu cấp các trường phổ thông công lập; thi khảo sát chất lượng; thi nghề phổ thông			
	+ Thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày	300	
	+ Thi tự luận	đồng/người/ngày	500	
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành)	đồng/người/ngày	750	
c	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi tham gia thi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành)	đồng/người/ngày	650	
d	Chi thuê, mua dụng cụ thí nghiệm, nguyên vật liệu, hóa chất, mẫu vật thực hành, thuê gia công chi tiết thí nghiệm.	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao		
<b>3</b>	<b>Phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng phản biện</b>			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	350	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	315	
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	280	
d	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24)	đồng/người/ngày	230	
đ	Ủy viên, bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	115	
e	Phục vụ, y tế	đồng/người/ngày	80	Theo điểm e, Khoản 2, Điều 17 TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và ĐT

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
<b>4</b>	<b>Phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng/Ban in sao đề thi tốt nghiệp</b>			
a	Chủ tịch hội đồng	đồng/người/ngày	300	
b	Phó Chủ tịch hội đồng	đồng/người/ngày	260	
c	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24)	đồng/người/ngày	210	
d	Bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	115	
đ	Phục vụ	đồng/người/ngày	80	Theo điểm a, Khoản 1, Điều 18 TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và ĐT
<b>III</b>	<b>Tổ chức coi thi (chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng/Ban coi thi)</b>			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	265	
b	Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	250	
c	Ủy viên, Thư ký, Giám thị, Giám sát	đồng/người/ngày	210	
d	Bảo vệ vòng ngoài	đồng/người/ngày	100	
đ	Y tế, phục vụ	đồng/người/ngày	80	Theo Điều 20 TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và ĐT
<b>IV</b>	<b>Tổ chức chấm thi</b>			
<b>1</b>	<b>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành</b>			
a	Thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh vào lớp đầu cấp các trường phổ thông công lập	đồng/bài	15	
b	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	đồng/bài	65	
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia	đồng/bài	90	
d	Chế độ trách nhiệm của Trưởng môn, tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	đồng/người/ngày	230	
đ	Chi thuê máy nghe băng, đĩa (để chấm thi nói)	Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao		
<b>2</b>	<b>Chấm bài thi trắc nghiệm</b>			
a	Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	đồng/người/ngày	350	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
b	Chi thuê máy chấm thi (nếu có)			Căn cứ hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao
<b>3</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban chấm phúc khảo, thẩm định</b>			
a	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	300	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	275	
c	Các Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	250	
d	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	đồng/người/ngày	210	
đ	Bảo vệ	đồng/người/ngày	115	
e	Phục vụ	đồng/người/ngày	80	Theo điểm d, Khoản 1, Điều 26; điểm e, khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 32 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và ĐT
<b>4</b>	<b>Chi chế độ trách nhiệm Ban công tác hội đồng thi cụm/liên trường</b>			
a	Trưởng ban	đồng/người/ngày	150	
b	Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	130	
c	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	120	
<b>5</b>	<b>Phúc khảo, thẩm định bài thi</b>			
a	Chi chấm phúc khảo bài thi tốt nghiệp	đồng/người/ngày	160	
b	Chi chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp	đồng/người/ngày	160	
c	Chi chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi	đồng/người/ngày	250	
<b>V</b>	<b>Tập huấn cho đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia</b>			
a	Chi cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	đồng/người/ngày	60	
b	Chi biên soạn và giảng dạy			
	Dạy lý thuyết	đồng/tiết	250	
	Dạy thực hành	đồng/tiết	350	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
	Trợ lý thí nghiệm, thực hành	đồng/tiết	115	
c	Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển	đồng/người/ngày	230	
d	Tiền ở và tiền tàu xe đi lại cho học sinh, giáo viên ở xa trong thời gian tập huấn	Theo dự toán được giao (giáo viên theo chế độ công tác phí hiện hành)		
đ	Thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Theo quy định hiện hành và trong dự toán được giao		
e	Chi mua nguyên vật liệu, hóa chất			
<b>VI</b>	<b>Các nhiệm vụ khác có liên quan</b>			
a	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
	+ Trưởng đoàn thanh tra	đồng/người/ngày	300	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
	+ Đoàn viên thanh tra	đồng/người/ngày	210	
	+ Thanh tra viên độc lập	đồng/người/ngày	250	
b	Chi đón tiếp, tiễn các đoàn và mua tặng phẩm lưu niệm, giao lưu giữa các tỉnh và các khoản chi khác có liên quan đến kỳ thi (nếu có)	Căn cứ hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo tiết kiệm		



**PHỤ LỤC SỐ 02**

**MỨC CHI CỦA BCD, HỘI ĐỒNG THI, CÁC BAN TỔ CHỨC KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh</b>			
1	Trưởng ban	đồng/người/ngày	280	Theo Điều 7 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Các Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	250	
3	Các ủy viên, thư ký, tổ giúp việc	đồng/người/ngày	200	
<b>II</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng thi</b>			
1	Chủ tịch	đồng/người/ngày	280	Theo Điều 8 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Các phó chủ tịch	đồng/người/ngày	260	
3	Ủy viên	đồng/người/ngày	200	
4	Tổ phục vụ	đồng/người/ngày	120	
<b>III</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng/Ban Vận chuyển và Bàn giao đề thi</b>			
1	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	230	Theo điểm a, Khoản 3, Điều 8 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và ĐT
2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	đồng/người/ngày	200	
3	Các ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	180	
4	Công an, bảo vệ	đồng/người/ngày	110	
<b>IV</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm Ban Làm phách</b>			
1	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	260	Theo Khoản 1, Điều 25 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	230	
3	Các Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	210	
4	Ủy viên, thư ký, CA bảo vệ, thanh tra	đồng/người/ngày	200	
5	Nhân viên y tế, phục vụ		100	
<b>V</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm Ban Thư ký Hội đồng thi</b>			
1	Chủ tịch/Trưởng ban	đồng/người/ngày	260	Theo Khoản 3, Điều 8 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	đồng/người/ngày	230	
3	Các Phó Chủ tịch/Phó trưởng ban	đồng/người/ngày	210	
4	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	200	
<b>VI</b>	<b>Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT</b>			
1	Chủ tịch	đồng/người/ngày	260	Theo Khoản 1, Điều 43 - TT số 15/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Phó Chủ tịch	đồng/người/ngày	230	
3	Ủy viên, thư ký	đồng/người/ngày	200	